

NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO GIỐNG CHÈ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU CHÈ TRONG THỜI GIAN QUA

CHU XUÂN ÁI

Chè là cây công nghiệp lâu năm. Mỗi giống chỉ cần trồng một lần có thể cho thu hoạch vài chục năm nên việc chọn giống mới, giống tốt, sẽ quyết định cả chu kỳ sản xuất lâu dài. Vì vậy, giống và công tác giống càng có ý nghĩa quan trọng hơn đối với nền sản xuất chè.

Bài viết này giới thiệu một số kết quả nghiên cứu về công tác chọn, tạo giống chè cho các vùng chè ở Bắc Việt Nam trong thời gian qua.

I. THỰC TRẠNG NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG CÁC GIỐNG CHÈ THEO VÙNG

Trong thời gian qua (1918 - 1999), Viện nghiên cứu chè đã tiến hành điều tra, thu thập, nhập nội và chọn tạo được hàng trăm giống chè. Đặc biệt trong giai đoạn 1994 - 1999 là thời kỳ thu thập

manh mẽ nhất được 47 giống trong đó có 9 giống địa phương, 33 giống nhập nội và 5 giống chọn lọc, lai tạo. Hiện đã sử dụng các giống Kim Huyền, Ngọc Thúy, Ôlong Thanh Tâm, Quảng Tây cho công tác chọn lọc, lai tạo giống. Đây sẽ là nguồn vật liệu quan trọng trong công tác chọn tạo giống chè mới.

Kết quả điều tra trong thời gian qua cho thấy, mỗi vùng có những giống chè chủ đạo nhất định, hay nói cách khác mỗi giống thích ứng với những vùng nhất định. Đánh giá năng suất, chất lượng chè ở các vùng cho thấy rõ hơn sự thích ứng của các giống chè.

Khả năng cho năng suất của một số giống chè ở các vùng được thể hiện ở bảng 1.

BẢNG 1. Năng suất các giống chè ở các vùng (số liệu bộ môn Giống, Viện nghiên cứu chè).

Vùng chè	Giống Trung du		Giống Shan		Giống PH1	
	DT điều tra (ha)	Năng suất (tấn/ha)	DT điều tra (ha)	Năng suất (tấn/ha)	DT điều tra (ha)	Năng suất (tấn/ha)
Trung du Bắc Bộ	1391,99	4,50	-	-	349,97	7,20
Núi Việt Bắc	801,10	3,96	306,1	5,19	24,70	6,60
Núi Tây Bắc	95,20	3,34	431,4	6,0	-	-
Bắc Trung Bộ	68,46	3,49	-	-	68,97	5,30
Tổng số	2356,75	4,29	737,5	5,66	443,64	6,87

Kết quả điều tra ở bảng 1, cho thấy: Giống PH1 cho năng suất cao nhất ở tất cả các vùng, sau đến giống chè Shan và thấp nhất là giống Trung du. Cùng với quy mô diện tích, năng suất các giống cũng thể hiện ưu thế ở các vùng nguyên gốc: Giống Trung du, PH1 ở trung du Bắc Bộ, giống Shan ở vùng núi Tây Bắc.

Điều tra chất lượng nguyên liệu các giống chè cũng cho thấy sự biến động rõ theo vùng.

Tanin có hàm lượng cao nhất là thành phần hoá học quan trọng nhất trong đánh giá chất lượng chè. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Sự biến động hàm lượng tanin, chất hoà tan của các giống chè có sự sai khác rõ giữa các vùng và giữa các mùa vụ trong năm. Giống Trung du có hàm lượng tanin, chất hoà tan cao ở những vùng thấp ở Phú Thọ, Thái Nguyên, ở những vùng cao hàm lượng này giảm đi. Giống PH1 cũng thể hiện rõ sự giảm dần về hàm lượng tanin, chất hoà tan theo chiều tăng của độ cao địa lý. Giống chè Shan thể hiện hàm lượng tanin tương đương nhau giữa hai vùng, nhưng hàm lượng

chất hoà tan cao hơn hẳn ở vùng Mộc Châu - Sơn La.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hàm lượng tanin, chất hoà tan của các giống thường đạt cao nhất ở giữa vụ, khi mà chế độ mưa, nhiệt độ cao, giảm về đầu và cuối vụ trong năm. Kết quả điều tra chất lượng nguyên liệu trên cho phép định hướng trong công nghệ chế biến. Song điều nhìn nhận ở đây rõ ràng là giống chè chịu tác động của điều kiện sinh thái vùng.

II. MỘT SỐ GIỐNG CHÈ MỚI Ở VIỆT NAM: NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ

Đặc điểm của chè là cây dài ngày nên không thể chọn, tạo ra được nhiều giống mới trong thời gian ngắn. Công tác chọn giống chè thực sự mới được chú trọng từ những năm 1960 - 1970 trở lại đây. Trong thời gian qua đã có 6 giống chè mới được chọn tạo đã và đang được áp dụng rộng rãi trong sản xuất hoặc đang được đưa đi khảo nghiệm. Kết quả theo dõi về năng suất các giống chè được nêu ở bảng 2 cho thấy,

BẢNG 2. Năng suất các giống chè mới chọn lọc, lai tạo và nhập nội trong các thí nghiệm so sánh giống ở Phú Hộ (tấn/ha).

Giống	Tuổi								Trung bình	
	3	4	5	6	7	8	9	10	Tấn/ha	%
TRI 777	3,9	5,15	7,7	8,80	9,64	8,5	11,00	8,9	7,95	116,91
LDP1	4,10	6,70	8,50	9,20	9,40	9,60	9,70	-	8,20	195,20
LDP2	4,40	7,60	8,90	9,80	9,90	10,40	9,60	-	8,70	207,10
PH1	4,30	7,10	7,80	7,90	8,70	9,40	9,60	-	7,70	183,30
Đại Bạch Trà	1,90	2,00	2,40	2,30	2,20	2,60	1,90	-	2,20	52,40
Trung du	2,10	4,00	4,30	4,60	4,80	5,00	4,90	-	4,20	100,00

Trần Thị Lư, Nguyễn Văn Niệm, 1998

mặc dù trong các điều kiện thí nghiệm khác nhau, song các giống chè mới đã có năng suất cao hơn so với giống Trung du đại trà từ 16,91 - 107,0%. Trong đó giống TRI 777 nhập nội và giống TH3 chọn lọc có mức tăng năng suất thấp hơn.

Giống PH1 chọn lọc được xem là giống có năng suất cao và đã được đưa trồng trong sản xuất hơn 5.000 ha, thường được sử dụng làm đối chứng so sánh ở mức cao.

Giống chè 1A chọn lọc là giống có triển vọng năng suất gần tương đương giống PH1 ở diện tích sản xuất thử.

Hiện nay hai giống lai LDP1, LDP2 trong thí nghiệm so sánh giống có năng suất cao hơn cả giống bố (PH1) và hơn hẳn giống mẹ (Đại Bạch Trà), năng suất cao hơn 2 lần so với giống Trung du trồng đại trà.

Trong số các giống chè giới thiệu trên đây, giống PH1 và giống TRI 777 đã được công nhận giống Quốc gia, các giống khác đang được khảo nghiệm, khu vực hoá.

Ưu thế các giống mới còn được thể hiện qua chất lượng nguyên liệu. Kết quả phân tích thành phần sinh hoá của các giống chè cho thấy, có sự khác nhau giữa các giống về các chỉ tiêu sinh hoá: hàm lượng tanin thấp nhất ở giống TRI 777 và chất hoá tan cao nhất ở giống chè 1A. Catechin là thành phần cơ bản chiếm tới 70 - 80% thành phần tanin và quyết định các đặc trưng chủ yếu của tanin. Tổ

hợp các catechin dạng este phức tạp như (-) epygallocatechingallat và (-) epycatechingallat thấp ở giống chè 1A thích hợp cho chế biến chè xanh bởi ít vị đắng trong sản phẩm. Tổ hợp các catechin này ở giống PH1 và TRI 777 với hàm lượng cao nên sản phẩm chè thường có vị chát, đắng, được dùng để chế biến chè đen hoặc dùng công nghệ thích hợp chế biến chè xanh. Riêng giống 1A tổ hợp catechin trạng thái tự do cao như (-) epygallocatechin và (-) galocatechin càng làm tăng vị chát dịu, ngọt trong chè. Hàm lượng sắc tố cao trong chè giống PH1 và TRI 777 cũng là nhược điểm cần được khắc phục trong chế biến chè xanh. Các yếu tố như đạm, axit amin, caphein thấp trong chè giống 1A càng thể hiện ưu thế chất lượng cao của nguyên liệu giống này.

III. KẾT LUẬN

Tập đoàn hàng trăm giống chè mà Viện N.C chè đã thu thập được hiện đang là nguồn gen rất quý phục vụ cho công tác lai tạo giống mới. Năng suất, chất lượng chè tuy cùng một giống nhưng trồng ở các vùng khác nhau cũng rất khác nhau.

Các giống chè mới được tạo ra do chọn lọc, lai tạo đã và đang được khảo nghiệm, áp dụng trong sản xuất, thể hiện ưu thế về năng suất, chất lượng và mang lại hiệu quả sản xuất cao. Việc chọn tạo giống mới, nhân trồng giống mới đang thực sự góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất chè.

RESEARCHES ON THE CREATION AND SELECTION OF TEA VARIETIES CONDUCTED BY TEA RESEARCH INSTITUTE

(Summary)

For time from 1918 up to now Tea Research Institute has surveyes, collected, introduced, and selected hundreds of tea varieties. Especially, for recent years some new promising tea varieties such as: TRI 777, LDP1, PH1, Dai Bach tra, Trung du have been given to large scale production, among them PH1 and TRI 777 were cultivated largely in all the country and recognized as national variety.

KẾT QUẢ CHỌN TẠO 2 DÒNG CHÈ 276 VÀ 215

NGUYỄN VĂN TOÀN, PHẠM THỊ TỈNH

Chọn tạo ra các dòng chè mới có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu tốt, luôn là mục tiêu cấp thiết nhằm cung cấp đủ, kịp thời cho sản xuất đồng thời xây dựng một cơ cấu giống phù hợp. Hai dòng chè 276 và 215 được bắt đầu chọn tạo từ năm 1985, qua 15 năm đánh giá, chúng tôi thấy có ưu điểm nổi bật về năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu, có thể đáp ứng được nhu cầu về giống mới của sản xuất chè hiện nay.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày kết quả của quá trình chọn tạo 2 dòng chè này.

I. NỘI DUNG CỦA QUÁ TRÌNH CHỌN TẠO

a) Phương pháp chọn tạo: (+) Ứng dụng phương pháp lai hoá kiểu tự do, thụ phấn hạn chế trên cơ sở cố định cây mẹ. (+) Ứng dụng phương pháp lựa chọn từng cây (chọn lọc cá thể).

b) Vật liệu và trình tự chọn tạo: (+) Năm 1985 chúng tôi đã chọn 1 hàng chè giống PH1 trồng bằng cành năm 1970 ở gò bạc thuộc Viện NC chè làm cây

mẹ (giống PH1 có khả năng chống chịu tốt và cho năng suất cao), xung quanh giống chè PH1 có trồng xen kẽ các hàng giống Trung du và các giống chè Shan. (+) Tháng 10-1985 thu được 10 kg quả, trên hàng chè cây mẹ PH1 và tiến hành gieo hạt (khoảng cách 1,2m - 0,5m x 3 hạt/hốc). (+) Tháng 9-1986 loại bỏ những cây xấu, yếu và giữ lại 300 cây. (+) Tháng 9-1989 chọn ra 7 cây tốt nhất thả cành nuôi hom, phân các cá thể thành dòng và đặt tên thứ tự là các dòng 126, 215, 221, 256, 260, 276, 294. (+) Năm 1990 trồng giám định sơ bộ mỗi dòng 2 hàng, mỗi hàng 30 cây (mật độ trồng 1 vạn cây/ha khoảng cách 1,6m x 0,6m) lấy giống Trung du chọn lọc hỗn hợp làm đối chứng. (+) Từ năm 1990 - 1996 theo dõi, đánh giá và lựa chọn được 2 dòng tốt nhất là 276 và 215. (+) Năm 1996 tiến hành đặt thí nghiệm so sánh giống chính quy với giống lai LDP1 và giống Trung du hạt chọn lọc hỗn hợp. (+) Mỗi

BẢNG 1. Năng suất của 2 dòng chè được chọn (g/cây).

Tên dòng	92 (3 tuổi)	93 (4 tuổi)	94 (5 tuổi)	95 (6 tuổi)	96 (7 tuổi)	97 (8 tuổi)	98 (9 tuổi)	TB 7 năm	% Tăng so đ/c
276	221,8	679,6	798,2	836,4	892,4	972,1	1124,2	789,2	92,5
215	163,7	513,0	694,7	754,5	802,1	911,3	1084,6	703,4	71,6
T.đ. (đ/c)	60,9	284,0	316,6	416,6	512,3	583,6	694,1	409,9	-